TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**76**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/03/2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Sâm**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**
2. Ông **Trần Trung Nhân**
- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Minh Luân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày **11** tháng **3** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 742/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/01/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh N,** sinh năm 1990.

Địa chỉ: D13/2 ấp 4A, xã Vĩnh Lộc A, huyện B, thành phố H.

* Bị đơn: **Anh Nguyễn Chí T,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp H, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện C, tỉnh T.

(Chị N xin vắng, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/12/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Lộc A, huyện B, Thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát

sinh mâu thuẫn cự cãi, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn thường hay nhận nhẹt không quan T chăm sóc vợ con, mặc dù chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội sửa đổi nhưng không được nên anh chị đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2022 cho đến nay. Do không còn tình cảm gì với anh T nên chị N yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Trường G, sinh ngày 06/7/2018, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và không có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và nuôi con chung với anh T, bị đơn anh T có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T là có căn cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết trước nên chị N và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn cự cãi, nguyên nhân anh T thường xuyên ăn chơi, nhậu nhẹt không quan T chăm sóc vợ con nên vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2022 cho đến nay, do không còn tình cảm với anh T nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét, sau khi Toà án thụ lý vụ án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh T để thông báo về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị N, nhưng anh T không có ý kiến gì và không có mặt tham gia các phiên hoà giải và tham dự phiên tòa, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Anh T không đến dự phiên toà là anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng chị N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Trường G, sinh ngày 06/7/2018 khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét, anh T không có ý kiến hay yêu cầu về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và từ khi chị N và anh T sống ly thân cho đến nay con chung do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đã ổn định cuộc sống và đảm bảo tốt về mọi mặt. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung nên cần giao cháu Giang cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án nên chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Trường G, sinh ngày 06/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Thanh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Chí T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014674 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị N đã nộp xong tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh N, anh Nguyễn Chí T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sâm

* ***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.